

Bản án số: 573/2024/HS-PT

Ngày: 26/11/2024

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Vũ Thanh Liêm**

*Các thẩm phán:* Ông **Lê Tự**

Ông **Phạm Ngọc Thái**

**- Thư ký phiên tòa:** Ông **Phạm Minh Hoàng**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** Ông **Đặng Thọ Định**, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2024, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kết nối với điểm cầu thành phần trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai, xét xử phúc thẩm công khai bằng hình thức trực tuyến vụ án hình sự thụ lý số 500/2024/TLPT-HS ngày 03 tháng 10 năm 2024 đối với bị cáo **Phạm Văn T** về tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 79/2024/HS-ST ngày 30/7/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2039/2024/QĐXXPT-HS ngày 31 tháng 10 năm 2024.

**\* Bị cáo có kháng cáo:**

**Phạm Văn T**, sinh ngày 02 tháng 01 năm 1985 tại tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: **Xóm N, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An**; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Phạm Văn H** (chết) và bà **Đậu Thị Q**; có vợ **Hoàng Thị T1** và 2 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào năm 2015, khi đang đi xuất khẩu lao động ở **L Nga**, **T** quen biết với một người phụ nữ tên “**Diệu**” (quốc tịch Việt Nam) và cho người phụ nữ này mượn số tiền 30.000.000 đồng. Đến cuối năm 2017, **T** hết hạn Visa nên về Việt Nam. Đến tháng 5/2019, “**Diệu**” liên lạc với **T** và hứa giúp **T** xin cấp lại Visa

lao động ở Nga bằng thông tin cá nhân mới vì T mới hết hạn Visa năm 2017, phải 03 năm sau mới được cấp lại Visa bằng thông tin cá nhân cũ, chi phí làm lại hồ sơ “Diệu” sẽ trừ vào số tiền 30.000.000 đồng mà “Diệu” nợ. T đồng ý và gửi cho “Diệu” file ảnh 4x6 của T.

Đầu tháng 8/2019, “Diệu” liên lạc bảo T đến số F H, thành phố P, tỉnh Gia Lai để làm Chứng minh nhân dân và đưa cho T 01 sổ hộ khẩu (không rõ thông tin chủ hộ), 01 Đơn đề nghị cấp Chứng minh nhân dân mang tên Bùi Văn D (dán ảnh của T, đã đóng dấu tròn của Công an xã I), 01 Tờ khai Chứng minh nhân dân mang tên Bùi Văn D (đã được điền đầy đủ thông tin). “Diệu” nói thông tin cá nhân của T đã được đổi thành Bùi Văn D, sinh ngày 15/6/1985 và dẫn T vào phòng làm Chứng minh nhân dân, sau đó “Diệu” lấy lại Sổ hộ khẩu và Giấy hẹn nhận Chứng minh nhân dân.

Đến cuối tháng 9/2019, “Diệu” điện thoại cho T vào Gia Lai làm Hộ chiếu và gửi cho T địa chỉ Phòng Q1 Công an tỉnh G. Sáng ngày 28/9/2019, khi đến nơi, T được “Diệu” đưa cho 01 Sổ hộ khẩu, 01 Chứng minh nhân dân mang tên Bùi Văn D. Sau đó, T vào làm thủ tục cấp Hộ chiếu theo thông tin giả là Bùi Văn D. Khi làm Hộ chiếu xong, T đưa lại cho “Diệu” Chứng minh nhân dân, Sổ hộ khẩu và Giấy hẹn nhận Hộ chiếu; “Diệu” dặn T lúc nào xin được V sẽ gửi ra Nghệ An cho T. Đến khoảng giữa tháng 11/2019, “Diệu” gửi cho T Chứng minh nhân dân và Hộ chiếu mang tên Bùi Văn D, trong Hộ chiếu đã được dán sẵn Visa nhập cảnh vào Liên Bang N.

Ngày 12/12/2019, T sử dụng Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu giả mang tên Bùi Văn D xuất cảnh sang Liên Bang N tại sân bay quốc tế N. Tháng 8/2023, do ảnh hưởng của chiến tranh N – Ukraine nên không tìm được việc làm do đó T quay về Việt Nam vào ngày 08/9/2023 thì bị lực lượng An ninh sân bay quốc tế N phát hiện và thu giữ Hộ chiếu giả.

Cơ quan điều tra thu giữ được 01 Đơn đề nghị cấp Chứng minh nhân dân lập ngày 06/8/2019; 01 Tờ khai và Chỉ bản làm Chứng minh nhân dân; Tờ khai đề nghị cấp hộ chiếu; 01 Hộ chiếu số C8109599 cùng mang tên Bùi Văn D. Đồng thời thu giữ hồ sơ có liên quan đến Phạm Văn T tại xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An.

Tại Kết luận giám định số 946/KL-KTHS ngày 02/11/2023 của Phòng K, Công an tỉnh G kết luận: Dấu vân tay trên Chỉ bản số 231434737; lập ngày 07/8/2019; ghi họ tên Bùi Văn D so với dấu vân tay trên biên bản thu thập dấu vân tay của Phạm Văn T; SN 02/01/1985 là dấu vân tay của một người in ra.

Tại Kết luận giám định số 944/KL-KTHS ngày 14/11/2023 của Phòng K, Công an tỉnh G kết luận: Dấu hình tròn có nội dung Công an huyện Đ. Công an xã I so với hình tròn có cùng nội dung trên mẫu so sánh là do cùng một con dấu đóng ra.

Chữ viết, chữ ký trên Đơn đề nghị cấp chứng minh nhân dân mang tên Bùi Văn D so với chữ viết, chữ ký của Phạm Văn T trên các mẫu so sánh, không phải của một người viết và ký ra.

Chữ viết, chữ ký trên Tờ khai đề nghị cấp Hộ chiếu phổ thông mang tên Bùi Văn D so với chữ viết, chữ ký của Phạm Văn T trên các mẫu so sánh là do cùng một người viết và ký ra.

### **Tang vật chứng vụ án:**

- Đơn đề nghị cấp chứng minh nhân dân lập ngày 06/8/2019, mang tên **Bùi Văn D**; Tờ khai Chứng minh nhân dân và Chỉ bản số: 231434737, lập ngày 07/8/2019, mang tên **Bùi Văn D**; Tờ khai đề nghị cấp hộ chiếu lập ngày 28/9/2019, mang tên **Bùi Văn D**; Hộ chiếu số C8109599, cấp ngày 05/9/2019, nơi cấp: **Cục Q2**, mang tên **Bùi Văn D**.

- Tờ khai Chứng minh nhân dân và Chỉ bản số: 231435396, lập ngày 9/9/2019, mang tên **Nguyễn Bảo M**; Tờ khai đề nghị cấp hộ chiếu lập ngày 09/10/2019, mang tên **Nguyễn Bảo M**; Hộ chiếu số C8409984, cấp ngày 16/10/2019, nơi cấp: **Cục Q2**, mang tên **Nguyễn Bảo M**.

**Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 79/2024/HS-ST ngày 30/7/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai đã quyết định:**

Tuyên bố bị cáo **Phạm Văn T** phạm tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo **Phạm Văn T 24** (hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/8/2024, bị cáo **Phạm Văn T** có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo **Phạm Văn T** giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Phạm Văn T** và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

1. Bị cáo **Phạm Văn T** khai nhận tội, đối chiếu thấy phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Năm 2019, **Phạm Văn T** muốn tiếp tục xuất cảnh sang Nga để lao động tự do nhưng **V** đã hết hạn mà chưa đủ thời gian để cấp lại nên **T** thông qua một người tên “**Diệu**” làm giả thủ tục để được **Công an tỉnh G** cấp Giấy chứng minh nhân dân và Hộ chiếu với tên **Bùi Văn D**, sinh ngày 15/6/1985. **T** đã sử dụng Giấy tờ này xuất cảnh sang Nga và khi nhập cảnh về Việt Nam thì bị phát hiện.

Hành vi nêu trên của bị cáo **Phạm Văn T** đã bị **Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai** xét xử về tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” theo điểm b khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

2. Bản án sơ thẩm đánh giá đúng tính chất của vụ án, mức độ phạm tội, đồng thời xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo **Phạm Văn T** như: Nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo là mong muốn xuất cảnh để lao động kiếm sống; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, hoàn cảnh gia đình khó khăn có

xác nhận của chính quyền địa phương; thời điểm xảy ra dịch bệnh Covid 19 bị cáo có ủng hộ người dân trong xã được Ủy ban mặt trận tổ quốc **Việt Nam xã D** xác nhận và xử phạt bị cáo **Phạm Văn T** 24 tháng tù, mức khởi điểm của khung hình phạt là đã xem xét giảm nhẹ. Tại phiên tòa phúc thẩm không có tình tiết giảm nhẹ nào mới nên không chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Phạm Văn T** và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

3. Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo **Phạm Văn T** phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Những phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xét.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Phạm Văn T** và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: **Phạm Văn T** 24 (hai mươi bốn) tháng tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Về án phí: **Phạm Văn T** phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về phần xử lý vật chứng, án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

#### **Nơi nhận:**

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan CSĐT-Công an tỉnh Gia Lai;
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan CSTHAHS-CA tỉnh Gia Lai;
- Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo;
- Cục THADS tỉnh Gia Lai;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**ĐÃ KÝ**

**Vũ Thanh Liêm**